Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 25.07.2019 07:34:08 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1596 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 24 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Định mức dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;

Căn cứ Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán Duy trì cây xanh đô thị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Tây Ninh tại Tờ trình số 1590/TTr-SXD ngày 27/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ Định mức dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Lao động, Thương binh và Xã hội; Tài chính; Giao thông Vận tải; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- CVP; PCVP (Nhung); KTTC;
- Lưu: VT.

U.Khoi

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

PHẦN I: ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ

1. Nội dung định mức

- Định mức dự toán công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công bố tại văn bản này bao gồm các hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và một số phương tiện máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị;

- Phạm vi các công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị được định mức bao gồm các công việc liên quan đến quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị để đảm bảo việc duy trì vệ sinh môi trường đô thị.

2. Các căn cứ xác lập định mức

- Quy trình kỹ thuật thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị hiện đang áp dụng phổ biến ở các đô thị.

- Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị.

- Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị.

- Văn bản số 486/UBND-KTN ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc: Danh mục các định mức DVCI khu vực đô thị, nông thôn cần điều chỉnh, lập mới trên địa bàn tỉnh.

- Số liệu khảo sát thực tế tại hiện trường theo kế hoạch khảo sát và ý kiến thống nhất của Tổ chuyên gia thẩm định.

3. Kết cấu của tập định mức

- Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và được xác định theo đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

- Định mức dự toán công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị, nông thôn đã được điều chỉnh, lập mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được công bố thay thế các công việc tương đương trong tập định mức 592/QĐ-BXD về việc công bố Định mức dự toán Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị trong 02 chương:

+ Chương 1 : Công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công.

+ Chương 2 : Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, phế thải xây dựng và chất thải rắn y tế bằng cơ giới.

4. Hướng dẫn áp dụng định mức

- Định mức dự toán công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải do UBND tỉnh Tây Ninh công bố để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Hao phí vật liệu, công cụ lao động khác (như chổi, xẻng, cán xẻng, thùng chứa, găng tay, cuốc,...) trực tiếp sử dụng cho quá trình thực hiện công việc không có trong định mức theo công bố. Các hao phí này được xác định trong chi phí quản lý chung của dự toán chi phí thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

- Thứ tự ưu tiên trong việc áp dụng định mức dự toán để lập và quản lý chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:

+ Các công việc có trong quyết định công bố định mức dự toán của UBND tỉnh Tây Ninh thì áp dụng theo quyết định của UBND tỉnh.

+ Các công việc không có trong quyết định công bố của UBND tỉnh Tây Ninh thì áp dụng theo định mức 592/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị.

+ Trường hợp các thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện khác với quy định trong tập định mức này hoặc những loại công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị chưa công bố định mức thì Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan tiến hành điều chỉnh định mức hoặc xác lập định mức mới để trình UBND tỉnh thống nhất với Bộ Xây dựng trước khi áp dụng.

CHƯƠNG 1: CÔNG TÁC QUÉT, GOM RÁC TRÊN HÈ, ĐƯỜNG PHỐ BẰNG THỦ CÔNG

MT1A.01.00 Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Di chuyển công cụ thu rác dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên hè phố, xúc hết rác trên đường phố trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc.
- Di chuyển công cụ thu gom rác đến điểm tập kết rác và chuyển sang xe chuyên dùng.
- Dọn sạch rác tại các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- Vệ sinh, tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi qui định.

Bảng số 1:

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT1A.01.00	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công	*Nhân công:* - Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	0,86

Ghi chú:

- Định mức tại Bảng số 1 áp dụng cho các tuyến phố có yêu cầu duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công với qui định thực hiện 2 bên lề.
- Định mức tại Bảng số 1 qui định hao phí nhân công công tác gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công của đô thị loại III÷V.
- Định mức tại Bảng số 1 không áp dụng đối với các tuyến phố có yêu cầu duy trì vệ sinh riêng (các tuyến phố cổ, tuyến phố văn minh thương mại, các tuyến phố thực hiện "điểm" về đảm bảo vệ sinh môi trường).

MT1A.02.00 Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đống nhỏ.
- Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có).
- Thu gom rác đống trên đường phố, vỉa hè.
- Hót xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa.
- Di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dụng.
- Dọn sạch các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

Bảng số 2:

Đơn vị tính: 10.000m2

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Quét đường	Quét hè
MT1A.02.00	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công	*Nhân công:* - Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	1,84	1,31
				01	02

Ghi chú:

- Thời gian làm việc từ 18h00 hôm trước và kết thúc vào 6h00 sáng hôm sau.
- Định mức tại Bảng số 2 áp dụng cho công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công với qui trình nghiệm thu khối lượng diện tích quét, gom rác trên vỉa hè (đối với quét hè) và 2m lòng đường mỗi bên đường kể từ mép ngoài của rãnh thoát nước (đối với quét đường).
- Định mức tại Bảng số 2 qui định hao phí nhân công công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công của đô thị loại III ÷ V.

MT1A.03.00 Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển dụng cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- Đặt biển báo cảnh giới an toàn giao thông.
- Dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m.
- Vun gọn thành đống, xúc lên xe gom. Đối với dải phân cách mềm: luồn chổi qua kẽ các thanh chắn quét sạch cả phần đường đặt dải phân cách.
- Đẩy công cụ thu rác về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng.
- Dọn sạch các điểm tập kết sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

Bảng số 3:

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT1A.03.00	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công	*Nhân công:* - Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,57

MT1A.05.00 Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển công cụ thu chứa dọc ngõ, gõ kẻng và thu rác nhà dân.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom.
- Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên công cụ thu chứa và di chuyển về vị trí tập kết qui định.
- Đối với những ngõ rộng, có vỉa hè, rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua vỉa, rãnh và xúc lên công cụ thu chứa; dùng chổi quét, gom rác trên hè, trên ngõ.
- Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- Tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

Bảng số 4:

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT1A.05.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	*Nhân công:* - Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	0,92

Ghi chú:

- Định mức tại Bảng số 4 áp dụng cho công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm có chiều rộng ≥ 1,5m.

- Định mức tại Bảng số 4 qui định hao phí nhân công công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công của đô thị loại III ÷ V.

MT1A.06.00 Công tác xúc rác sinh hoạt, vật dụng gia đình tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ôtô bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Cào rác từ bể chứa rác hoặc đống rác, xúc lên công cụ thu chứa di chuyển ra điểm tập kết rác lên ôtô, quét dọn xung quanh bể rác và đống rác, phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- Cuối ca vệ sinh dụng cụ, phương tiện xúc rác, cất vào nơi qui định.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

Bảng số 5:

Đơn vị tính: 1 tấn rác sinh hoạt

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
MT1A.06.00	Công tác xúc rác sinh hoạt, vật dụng gia đình tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ôtô bằng thủ công	*Nhân công:* - Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	0,62

CHƯƠNG 2: CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, PHẾ THẢI XÂY DỰNG VÀ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ BẰNG CƠ GIỚI

MT2A.01.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm tập kết rác.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Nạp rác từ công cụ thu chứa rác vào máng hứng, ép vào xe.
- Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- Điều khiển xe về đến bãi đổ rác.
- Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đổ vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 6:

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
				Xe 5 tấn	Xe 8 tấn	Xe 10 tấn
MT2A.01.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	*Nhân công:* - Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	0,15	0,115	0,083
		Máy thi công: - Xe ép rác	ca	0,075	0,057	0,042
				01	02	03

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công tại Bảng số 6 được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT2A.02.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Kéo thùng trên vỉa hè hoặc từ điểm tập kết thùng tại cơ sở, nạp rác từ thùng vào máng hứng, ép vào xe.
- Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- Điều khiển xe về đến bãi đổ rác.
- Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đổ vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 7:

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
				Xe 5 tấn	Xe 8 tấn	Xe 10 tấn
MT2A.02.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	*Vật tư, vật liệu:* - Thùng rác nhựa	cái	0,0044	0,0044	0,0044
		Nhân công: - Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	0,2789	0,1991	0,1741
		Máy thi công: - Xe ép rác	ca	0,1395	0,0996	0,0871
				01	02	03

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công tại Bảng số 7 được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT2A.03.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các hộ dân về trạm trung chuyển tập trung bằng xe tải thùng cự ly bình quân 10 km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

- Di chuyển phương tiện đến vị trí thu gom, di chuyển xe thu gom rác dọc 2 bên đường và ngõ hẻm đưa rác lên thùng xe đến khi đầy;

- Vận chuyển rác về bãi trung chuyển tập trung

- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Bảng số 8:

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
				Xe ≤ 1 tấn	Xe 1,2 tấn	Xe 2,5 tấn
MT2A.03.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các hộ dân về trạm trung chuyển tập trung bằng xe tải thùng cự ly bình quân 10 km	*Nhân công:* - Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	0,56	0,58	0,50
		Máy thi công: - Xe tải thùng	ca	0,28	0,20	0,17
				01	02	03

PHẦN 2: ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ

1. Nội dung định mức duy trì cây xanh đô thị

- Định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị công bố tại văn bản này bao gồm các hao phí cần thiết về vật liệu (phân bón, thuốc trừ sâu, nước tưới, vật tư khác), nhân công và một số phương tiện máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác sản xuất, trồng mới và duy trì cây xanh đô thị;

- Phạm vi các công việc duy trì cây xanh đô thị được định mức bao gồm các công việc liên quan đến quá trình chăm sóc cây xanh thường xuyên kể từ khi được trồng mới để đảm bảo việc sinh trưởng và phát triển bình thường của cây xanh trong đô thị.

2. Các căn cứ xác lập định mức

- Quy trình kỹ thuật thực hiện công tác duy trì cây xanh đô thị hiện đang áp dụng phổ biến ở các đô thị.

- Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị.

- Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán Duy trì cây xanh đô thị.

- Văn bản số 486/UBND-KTN ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc: Danh mục các định mức DVCI khu vực đô thị, nông thôn cần điều chỉnh, lập mới trên địa bàn tỉnh.

- Số liệu khảo sát thực tế tại hiện trường theo kế hoạch khảo sát và ý kiến thống nhất của Tổ chuyên gia thẩm định.

3. Kết cấu của tập định mức

- Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác duy trì cây xanh đô thị. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

- Định mức dự toán công tác duy trì cây xanh đô thị đã được điều chỉnh, lập mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được công bố thay thế các công việc tương đương trong tập định mức 593/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán công tác Duy trì cây xanh đô thị trong 03 chương:

+ Chương 1: Duy trì thảm cỏ

+ Chương 2: Duy trì cây trang trí

+ Chương 3: Duy trì cây bóng mát

4. Hướng dẫn áp dụng định mức

- Định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị do UBND tỉnh Tây Ninh công bố để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Hao phí của vật liệu, công cụ lao động khác (như dao, kéo, bay, găng tay, thùng chứa, cuốc,...) trực tiếp sử dụng cho quá trình thực hiện công việc không có trong định

mức theo công bố. Các hao phí này được xác định trong chi phí quản chung của dự toán chi phí thực hiện công tác duy trì cây xanh đô thị theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

- Thứ tự ưu tiên trong việc áp dụng định mức dự toán để lập và quản lý chi phí thực hiện công tác duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:

+ Các công việc có trong quyết định công bố định mức dự toán của UBND tỉnh Tây Ninh thì áp dụng theo quyết định của UBND tỉnh.

+ Các công việc không có trong quyết định công bố của UBND tỉnh Tây Ninh thì áp dụng theo định mức 593/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán Duy trì cây xanh đô thị.

+ Trường hợp các công tác duy trì cây xanh đô thị có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện khác với quy định trong tập định mức này hoặc những loại công tác duy trì cây xanh đô thị chưa công bố định mức thì Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan tiến hành điều chỉnh định mức hoặc xác lập định mức mới để trình UBND tỉnh thống nhất với Bộ Xây dựng trước khi áp dụng.

CHƯƠNG 1: DUY TRÌ THẢM CỎ

CX1A.01.00 Tưới nước thảm cỏ thuần chủng và không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đẫm thảm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới những khu vực xa nguồn nước.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì thảm cỏ được quy định như sau:

Các đô thị ở Vùng III: Lượng nước tưới: 7 lít/m2 (cỏ thuần chủng); 9 lít/m2 (cỏ không thuần chủng); Số lần tưới 240 lần/năm.

CX1A.01.10 Tưới nước giếng khoan thảm cỏ thuần chủng bằng máy bơm

Đơn vị tính: 100 m^2/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX1A.01.10	Tưới nước giếng khoan thảm cỏ thuần chủng bằng máy bơm (Cỏ lá gừng, Cỏ nhung)	*Vật liệu:*		
		- Nước tưới	m^3	0,7
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,113
		Máy thi công:		
		- Máy bơm chạy điện 1,5KW	ca	0,113

CX1A.01.20 Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng thủ công

Đơn vị tính: 100 m^2/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX1A.01.20	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng thủ công (Cỏ lá gừng, Cỏ nhung)	*Vật liệu:*		
		- Nước tưới	m^3	0,7
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,151

CX1A.01.60 Tưới nước thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách) bằng xe bồn

Đơn vị tính: 100 m^2/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
				Xe bồn 8m^3
CX1A.01.60	Tưới nước thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...) bằng xe bồn	*Vật liệu:*		
		- Nước tưới	m^3	0,9
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,121
		Máy thi công:		
		- Xe bồn 8m3	ca	0,025

CX1A.02.00 Phát thảm cỏ thuần chủng và thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Phát thảm cỏ thường xuyên, duy trì thảm cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao cỏ bằng 5cm, tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cỏ, phản hoặc dùng liềm.

- Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30 m.

CX1A.02.10 Phát thảm cỏ bằng máy

Đơn vị tính: 100 m^2/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Thảm cỏ thuần chủng	Thảm cỏ không thuần chủng
CX1A.02.10	Phát thảm cỏ bằng máy	*Nhân công:*			
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,111	0,089
		Máy thi công:			
		- Máy cắt cỏ công suất 3 CV	ca	0,048	0,038
				1	2

CX1A.04.00 Làm cỏ tạp

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ thuần chủng, đảm bảo thảm cỏ được duy trì có lẫn không quá 5% cỏ dại.

- Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30 m.

- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 m^2/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX1A.04.00	Làm cỏ tạp	*Nhân công:*		
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	0,278

CHƯƠNG 2: DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ

CX2A.01.00 Duy trì bồn hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới khu vực xa nguồn nước.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30 m.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn hoa được quy định như sau:

Các đô thị ở vùng III: Lượng nước tưới: 7 lít/m2; Số lần tưới 420 lần/năm.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cảnh, hàng rào được quy định như sau:

Các đô thị ở vùng III: Lượng nước tưới: 7 lít/m2; Số lần tưới 240 lần/năm.

CX2A.01.10 Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm

Đơn vị tính: 100 m^2/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX2A.01.10	Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào đường viền bằng máy bơm	*Vật liệu:*		
		- Nước tưới	m^3	0,7
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,101
		Máy thi công:		
		- Máy bơm chạy điện 1,5KW	ca	0,101

CX2A.01.20 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công

Đơn vị tính: 100 m^2/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX2A.01.20	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào, đường viền bằng thủ công	*Vật liệu:*		
		- Nước tưới	m^3	0,7
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,166

CX2A.01.30 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn

Đơn vị tính: 100 m^2/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX2A.01.30	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào, đường viền bằng xe bồn	*Vật liệu:*		
		- Nước tưới	m^3	0,7
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,095
		Máy thi công		
		- Xe bồn 8m3	ca	0,024

CX2A.05.00 Duy trì bồn cảnh lá mầu

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn.
- Bón phân vi sinh
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 m^2/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Có hàng rào	Không hàng rào
CX2A.05.00	Duy trì bồn cảnh lá mầu	*Vật liệu:*			
		- Cây cảnh	cây	320	480
		- Phân vi sinh	kg	8,5	12
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,05	0,06
		Nhân công:			
		- Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	14,583	18,183
				1	2

CX2A.09.00 Duy trì cây cảnh trổ hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối.
- Bón phân vi sinh
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX2A.09.00	Duy trì cây cảnh trổ hoa	*Vật liệu:*		
		- Phân vi sinh	kg	40
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,44
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	41,125

Ghi chú: Đối với công tác duy trì cây cảnh tạo hình có trổ hoa, định mức nhân công được nhân với hệ số K = 1,1.

CX2A.11.00 Duy trì cây cảnh tạo hình

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cây theo hình quy định.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX2A.11.00	Duy trì cây cảnh tạo hình	*Vật liệu:*		
		- Phân vi sinh	kg	40
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,33
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	35,00

CX2A.12.00 Tưới nước cây cảnh trồng chậu

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh trồng chậu được quy định như sau:

Các đô thị ở Vùng III: Lượng nước tưới: 5 lít/cây; Số lần tưới 240 lần/năm.

CX2A.12.20 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công

Đơn vị tính: 100 chậu/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX2A.12.20	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	*Vật liệu:*		
		- Nước tưới	m^3	0,5
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,126

CX2A.14.00 Duy trì cây cảnh trồng chậu

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt tải cảnh hoặc chồi mọc không thích hợp thực hiện 6lần/năm.
- Bón phân vi sinh 2 lần/năm; phun thuốc trừ sâu 3 đợt, mỗi đợt 2 lần.
- Nhổ cỏ dại, xới tơi đất thực hiện 4 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 100 chậu/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX2A.14.00	Duy trì cây cảnh trồng chậu	*Vật liệu:*		
		- Phân vi sinh	kg	26,0
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,33
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 4/7	công	23,601

CHƯƠNG 3: DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT

Phân loại cây bóng mát:

- Cây bóng mát mới trồng: Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm.

- Cây bóng mát trồng sau 2 năm:

+ Cây bóng mát loại 1: Cây cao < = 6m và có đường kính gốc cây < = 20 cm

+ Cây bóng mát loại 2: Cây cao < = 12m và có đường kính gốc < = 50 cm.

+ Cây bóng mát loại 3: Cây cao > 12m hoặc có đường kính gốc > 50 cm.

CX3A.01.00 Duy trì cây bóng mát mới trồng

Thành phần công việc:

- Tưới nước ướt đẫm gốc cây.

- Bón phân hữu cơ gốc cây thực hiện trung bình 1 lần/năm.

- Sửa tán, tạo hình và tẩy chồi: dùng kéo (hoặc cưa) cắt tỉa những cành hoặc chồi mọc không thích hợp với kiểu dáng cần tạo thực hiện trung bình 2 lần/năm.

- Chống sửa cây nghiêng: thực hiện trung bình 2 lần/năm.

- Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, dọn dẹp rác quanh gốc cây thu gom vận chuyển đến đổ nơi quy định, thực hiện 4 lần/năm.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
CX3A.01.00	Duy trì cây bóng mát mới trồng	*Vật liệu:*		
		- Nước tưới	m^3	2,4
		- Phân vi sinh	kg	6,0
		- Cây chống fi 60	cây	3
		- Dây kẽm 1 mm	kg	0,02
		- Vật liệu khác	%	1,5
		Nhân công:		
		- Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	0,874
		Máy thi công:		
		- Xe bồn $5m^3$	ca	0,105

CX3A.11.00 Quét vôi gốc cây

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vôi và nước tôi vôi.
- Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1 m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 1 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 cây

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức		
				Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX3A.11.00	Quét vôi gốc cây	*Vật liệu:*				
		- Vôi	kg	0,16	0,57	1,14
		- A dao	kg	0,003	0,011	0,022
		Nhân công:				
		- Bậc thợ bình quân 3,5/7	công	0,026	0,044	0,101
				1	2	3

MỤC LỤC

Mã hiệu	Nội dung	Trang
	PHẦN I: ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ	**1**
	CHƯƠNG 1: CÔNG TÁC QUÉT, GOM RÁC TRÊN HÈ, ĐƯỜNG PHỐ BẰNG THỦ CÔNG	**3**
MT1A.01.00	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công	3
MT1A.02.00	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công	4
MT1A.03.00	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công	5
MT1A.05.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	5
MT1A.06.00	Công tác xúc rác sinh hoạt, vật dụng gia đình tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ôtô bằng thủ công	6
	CHƯƠNG 2: CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, PHẾ THẢI XÂY DỰNG VÀ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ BẰNG CƠ GIỚI	**7**
MT2A.01.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	7
MT2A.02.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km	8
MT2A.03.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các hộ dân về trạm trung chuyển tập trung bằng xe tải thùng cự ly bình quân 10 km	10
	PHẦN II: ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ	**11**
	CHƯƠNG 1: DUY TRÌ THẢM CỎ	**13**
CX1A.01.10	Tưới nước giếng khoan thảm cỏ thuần chủng bằng máy bơm	13
CX1A.01.20	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng thủ công	14
CX1A.01.60	Tưới nước thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách) bằng xe bồn	14
CX1A.02.10	Phát thảm cỏ bằng máy	15
CX1A.04.00	Làm cỏ tạp	15

Mã hiệu	Nội dung	Trang
	CHƯƠNG 2: DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ	**16**
CX2A.01.10	Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm	16
CX2A.01.20	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	17
CX2A.01.30	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn	17
CX2A.05.00	Duy trì bồn cảnh lá mầu	18
CX2A.09.00	Duy trì cây cảnh trổ hoa	19
CX2A.11.00	Duy trì cây cảnh tạo hình	19
CX2A.12.20	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	20
CX2A.14.00	Duy trì cây cảnh trồng chậu	21
	CHƯƠNG 3: DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT	**22**
CX3A.01.00	Duy trì cây bóng mát mới trồng	22
CX3A.11.00	Quét vôi gốc cây	23
	MỤC LỤC	**24**